

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/DS-ST

Ngày: 22-9-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*

mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tuyền

Bà Trần Ngọc Diệu

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Xuân K, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962;

Ông Trần Văn M, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: số 139, ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa ông K có mặt, bà D có mặt, ông M vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Xuân K trình bày:

Do quen biết và có quan hệ làm ăn với nhau, vào tháng 10/2021 ông Nguyễn Tấn L có bán thức ăn chăn nuôi gia súc cho bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn M nhiều lần với hình thức gói đầu mua trước trả tiền sau. Bà D và ông M hứa sau 03 tháng sẽ trả tiền mua thức ăn nhưng đến nay chưa trả. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng mua bán bằng văn bản. Ông L giao thức ăn tận nhà, bà D và ông M ký tên xác nhận vào sổ số

bao thức ăn và số tiền thức ăn theo từng đợt giao hàng. Tính đến ngày 16/10/2021, bà D và ông M còn nợ tiền thức ăn của ông L là 327.595.000 đồng. Ông L đã nhiều lần yêu cầu bà D và ông M thanh toán tiền thức ăn nhưng đến nay chưa thanh toán. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu bà D và ông M liên đới trách nhiệm trả cho ông L tổng số tiền còn nợ là 327.595.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 16/10/2021 đến ngày 16/3/2022 với số tiền 16.379.800 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi Thạnh vào năm 1996. Bà và ông M có mua thức ăn của ông L để chăn nuôi gà vịt theo hình thức gởi đầu đến khi xuất chuồng bán gà, vịt sẽ trả tiền. Thời gian xuất chuồng gà vịt là khoảng 02 tháng.

Tính đến ngày 16/10/2021, bà và ông M còn nợ ông L số tiền 327.595.000 đồng. Tuy nhiên, do chăn nuôi gặp dịch bệnh thua lỗ nên chưa có tiền trả cho ông L. Bà xin thời gian sau 03 năm sẽ trả số tiền trên cho ông L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M, nhưng ông M vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông L khởi kiện yêu cầu bà D và ông M liên đới trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn bà D và ông M cư trú tại ấp Tân Lợi, xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông L yêu cầu bà D và ông M liên đới trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 327.595.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Ông L nộp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: Sổ theo dõi ghi mỗi lần giao thức ăn bản chính, nội dung thể hiện ông L có bán thức ăn chăn nuôi cho bà D và ông M, mỗi lần giao thức ăn đều có bà D hoặc ông M ký xác nhận. Đến ngày 16/10/2021, bà D ký vào sổ xác nhận còn nợ ông L số tiền mua thức ăn là 327.595.000 đồng. Tại Tòa, bà D thừa nhận còn nợ ông L số tiền mua thức ăn là 327.595.000 đồng, nhưng do chăn nuôi gặp dịch bệnh nên thua lỗ, hiện nay bà và ông M không có khả năng trả liền số tiền này cho ông L.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà D và ông M cùng tham gia trong việc mua thức ăn chăn nuôi với ông L, cùng ký tên vào sổ gia nhận thức ăn. Bên

cạnh đó, ông M và bà D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi Thạnh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Theo thỏa thuận của hai bên, bên mua có trách nhiệm trả số tiền sau khoảng 02-03 tháng mua thức ăn (tức ngày xuất chuồng gà, vịt), tính đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng bị đơn chưa thực hiện việc trả tiền cho ông L. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu bà D, ông M phải liên đới trách nhiệm thanh toán số tiền mua thức ăn còn nợ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả theo lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 16/10/2021 đến ngày 16/3/2022 với số tiền 16.379.800 đồng, là phù hợp theo quy định tại Điều 440 Bộ Luật dân sự nên được chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau: $327.595.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 5 \text{ tháng} = 16.379.800 \text{ đồng}$. Ghi nhận ông L không yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ tháng 4/2022 cho đến ngày xét xử.

Như vậy tổng số tiền bà D, ông M có trách nhiệm trả cho ông L là $327.595.000 \text{ đồng} + 16.379.800 \text{ đồng} = 343.974.800 \text{ đồng}$.

Việc bà D xin trả sau 03 năm để trả số tiền trên không được đại diện nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không ghi nhận.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính là $343.974.800 \text{ đồng} \times 5\% = 17.198.740 \text{ đồng}$ bà D và ông M có trách nhiệm liên đới nộp. Tuy nhiên, bà D và ông M là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L. Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn M liên đới trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tấn L số tiền 343.974.800 (ba trăm bốn mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 17.198.740 (mười bảy triệu một trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi) đồng.

- Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn M là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

- Chi cục Thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho ông Nguyễn Tấn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.584.000 đồng (tám triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007218 ngày 27/4/2022.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan